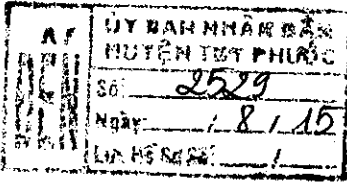


Số: 100 /BC-UBND

Bình Định, ngày 06 tháng 7 năm 2015



BÁO CÁO

Sơ kết công tác cải cách hành chính nhà nước giai đoạn I (2011 - 2015)
và phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn II (2016 - 2020)

Phần thứ nhất

SƠ KẾT THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN I (2011 - 2015)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI

1. Phổ biến, quán triệt Chương trình tổng thể

- Chương trình tổng thể của Chính phủ đã được tính triển khai phổ biến, quán triệt đến các cấp, các ngành, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên và quần chúng nhân dân. Gắn quán triệt nội dung Chương trình tổng thể vào Nghị quyết của cấp ủy; chương trình, kế hoạch triển khai nhiệm vụ hàng năm của các cấp chính quyền và bồi dưỡng kiến thức về cải cách hành chính cho đội ngũ cán bộ, công chức...

- Tổ chức được nhiều hội nghị triển khai, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác cải cách hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; bố trí cán bộ, công chức đi học tập kinh nghiệm về cải cách hành chính tại các địa phương làm tốt công tác cải cách hành chính; đồng thời, các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức được nhiều khóa tập huấn, hội nghị quán triệt cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thông qua đó đã nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên và quần chúng nhân dân về quan điểm, mục tiêu, vai trò, sự cần thiết phải thực hiện cải cách hành chính và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

- UBND tỉnh ban hành các nội dung triển khai Chương trình tổng thể: Kế hoạch triển khai thực hiện về cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính của tỉnh giai đoạn 2011 - 2015; Kế hoạch thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 - 2015;

- Để làm tốt công tác chỉ đạo về cải cách hành chính, UBND tỉnh đã ban hành và thường xuyên sửa đổi, bổ sung các quy định về cải cách hành chính như: Quy định và Bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính; quy định về

mức chi trong công tác cải cách hành chính và trong hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; quy định về khen thưởng thành tích trong công tác cải cách hành chính.

Ban hành các Quyết định thành lập, kiện toàn và quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính; Ban Chỉ đạo cải cách chế độ công vụ, công chức của tỉnh phù hợp với từng thời kỳ; ban hành các chỉ thị như: Về một số giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện nâng cao Chỉ số Năng lực cấp tỉnh (PCI); đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định; đẩy mạnh cải cách hành chính và cải cách chế độ công vụ công chức đến năm 2015.

- Triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm có nề nếp bằng việc ban hành kế hoạch cải cách hành chính, kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính hàng năm của UBND tỉnh. Trên cơ sở đó, các sở, ngành, địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện gắn với những nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp triển khai cải cách hành chính phù hợp với điều kiện thực tế của từng ngành, từng địa phương và bám sát với kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh.

- Hàng năm, các cấp ủy đảng, UBND tỉnh, các sở, ngành, địa phương đều tổ chức sơ kết, đánh giá rút kinh nghiệm về công tác cải cách hành chính. Năm 2014, UBND tỉnh đã tổng kết việc thực hiện cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2013; đề ra nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính đến năm 2015 và tổ chức biểu dương, khen thưởng đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương làm tốt công tác cải cách hành chính. Năm 2015, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, tỉnh Bình Định đã triển khai việc sơ kết công tác cải cách hành chính nhà nước giai đoạn I (2011 - 2015) và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước giai đoạn II (2016 - 2020) của các sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh.

3. Kiểm tra việc thực hiện

Trong giai đoạn 2011 - 2015, công tác kiểm tra, giám sát chỉ đạo thực hiện cải cách hành chính của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh được tăng cường triển khai, thường xuyên được lồng ghép vào các cuộc kiểm tra, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, đơn vị và do Sở Nội vụ - cơ quan thường trực về công tác cải cách hành chính tỉnh đã phối hợp cùng các sở, ngành chuyên ngành liên quan thực hiện. Cụ thể:

- Năm 2012, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Đoàn, tổ chức kiểm tra, giám sát các nội dung triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; năm 2014, Thường trực HĐND tỉnh và Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh triển khai việc giám sát thực hiện công tác cải cách hành chính tại 21 sở, ngành, 11/11 UBND huyện, thị xã, thành phố.

- Hàng năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp các sở, ngành thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành để tiến hành kiểm tra định kỳ về cải cách hành chính kết hợp với kiểm tra đột xuất về công tác giải quyết thủ tục hành chính. Kết quả đến nay, đã tiến hành kiểm tra công tác cải cách hành chính tại đơn vị trực thuộc và cơ

quan của 05 cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh (Cục Hải quan, Cục Thuế tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Bảo hiểm Xã hội tỉnh) 21/21 các sở, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; kiểm tra tại UBND cấp huyện và các phòng, đơn vị chuyên môn và hơn 70 UBND xã, phường, thị trấn thuộc 11/11 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

4. Thông tin, tuyên truyền


- Các cấp ủy đảng trên địa bàn tỉnh đã tăng cường chỉ đạo việc thường xuyên quan tâm quán triệt, phổ biến Chương trình tổng thể cải cách hành chính và thường xuyên tổ chức lồng ghép với các lớp tập huấn để phổ biến nội dung chương trình, kế hoạch, văn bản về cải cách hành chính của tỉnh cho các báo cáo viên thuộc các tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy.

- UBND các cấp, các sở, ngành tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề về đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính và cải cách thủ tục hành chính; tổ chức hội nghị gặp mặt các hiệp hội và một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để bàn về những giải pháp, tháo gỡ những khó khăn tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh và duy trì việc tọa đàm với doanh nghiệp định kỳ 06 tháng một lần.

- Thực hiện việc thông tin, tuyên truyền và chuyên mục cải cách hành chính trên Báo Bình Định và Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và các Đài truyền thanh thành phố, thị xã, huyện, xã, phường, thị trấn để tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trong tỉnh về công tác cải cách hành chính, quy chế thực hiện cơ chế "một cửa", các quy định về thủ tục, thời hạn, lệ phí và trình tự giải quyết các thủ tục hành chính,... Ngoài ra, còn tổ chức nhiều hình thức tuyên truyền khác như: Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu, các hội diễn, diễn đàn về cải cách hành chính.

5. Nhận xét, đánh giá chung

Tỉnh đã triển khai thực hiện Chương trình tổng thể, triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm một cách có nề nếp, hiệu quả theo đúng quy định. Chú trọng đến công tác sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hành động gắn với các nhiệm vụ giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của từng ngành, từng địa phương của tỉnh.

Tuy nhiên, năng lực chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính của một số lãnh đạo sở, ngành, địa phương còn yếu kém, chất lượng tham mưu, đề xuất chưa đạt yêu cầu; triển khai một số công việc, nhiệm vụ đã được xác định tại kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của UBND tỉnh chưa đảm bảo chất lượng và tiến độ đề ra. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính còn nặng về hình thức, chưa sâu rộng đến các đối tượng quần chúng nhân dân; công tác kiểm tra, giám sát đối với cải cách hành chính tuy đã được quan tâm và thực hiện, nhưng chưa có các biện pháp cụ thể, đủ mạnh để giải quyết hiệu quả, triệt để những sai phạm và những cơ quan, đơn vị, cá nhân thực hiện cải cách hành chính không có hiệu quả, không hoàn thành nhiệm vụ do cơ quan cấp trên giao. 

II. SƠ KẾT, ĐÁNH GIÁ CÁC NỘI DUNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH THEO CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ

1. Cải cách thể chế

a) Những kết quả đạt được:

- Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của địa phương: Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền cũng đã được chú trọng thực hiện để cụ thể hoá các văn bản của trung ương cho phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương. Quy trình xây dựng và thông qua các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh đã có nhiều đổi mới nhằm phân định rõ trách nhiệm giữa cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp gắn với việc triển khai lấy ý kiến các ngành, các cấp đóng góp cho các văn bản dự kiến sẽ ban hành.

- Hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước: Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền của HĐND và UBND các cấp cũng đã được chú trọng về quy trình ban hành cũng như việc tổ chức thực hiện theo thẩm quyền để cụ thể hoá các văn bản của Trung ương cho phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương. Quy trình xây dựng và thông qua các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh đã có nhiều đổi mới nhằm làm rõ trách nhiệm giữa cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp gắn với việc triển khai lấy ý kiến các ngành, các cấp đóng góp cho các văn bản dự kiến sẽ ban hành. Trong đó đã đặc biệt quan tâm tới văn bản, thể chế để thu hút đầu tư, xây dựng khu công nghiệp, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ các thành phần kinh tế phát triển, phân cấp, uỷ quyền cho các sở, ngành và cấp huyện trên nhiều lĩnh vực. Bên cạnh đó, với hàng loạt các biện pháp được quy định cụ thể và thực hiện nghiêm túc, việc hướng dẫn thi hành văn bản của trung ương được tiến hành kịp thời hơn, nâng cao hiệu lực thực tế của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, từng bước khắc phục dần tình trạng nợ đọng văn bản hướng dẫn thực hiện trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật: Thông qua việc chỉ đạo xây dựng chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật hàng năm, từ năm 2011 đến năm 2014, HĐND tỉnh và UBND tỉnh ban hành 359 văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có 163 Nghị quyết HĐND tỉnh, 194 Quyết định, 02 Chỉ thị của UBND tỉnh.

+ Công tác thẩm định văn bản QPPL ban hành: Số lượng văn bản được thẩm định tăng lên hàng năm; những nội dung thẩm định đã thể hiện được tính phân biện pháp lý, đồng thời đề xuất nhiều biện pháp đảm bảo đáp ứng sự phù hợp với thực tế của công tác quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh: năm 2011: 48/108, năm 2012: 55/86, năm 2013: 35/88, năm 2014: 47/77.

+ Công tác rà soát, hệ thống hóa, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật được triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, quy định của pháp luật. Theo đó, năm 2014, tỉnh đã tiến hành tổng rà soát, hệ thống văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2008-2013, kết quả: Tiến hành rà soát được 455 văn bản, trong đó có 156 Nghị quyết của HĐND tỉnh, 293 Quyết định, 06 Chỉ thị của UBND tỉnh; trong đó, số

văn bản hết hiệu lực toàn bộ là 127 văn bản, số văn bản hết hiệu lực một phần là 33 văn bản, số văn bản còn hiệu lực là 328 văn bản và đã được UBND tỉnh công bố kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2008 - 2013.

+ Công tác tự kiểm tra văn bản QPPL: Tiếp tục triển khai Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ, các ngành các cấp đã đẩy mạnh việc tăng cường công tác tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và kiểm tra việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh. Kết quả trong 05 năm (2011 - 2015) đã có trên 323 văn bản QPPL hoặc chứa đựng QPPL được tiến hành tự kiểm tra; qua tự kiểm tra, đã kịp thời phát hiện, có kiến nghị xử lý: 32 văn bản đang còn hiệu lực (03 Nghị quyết, 28 Quyết định, 02 Chỉ thị) nhưng có dấu hiệu sai trái dưới các hình thức quy định về thời điểm có hiệu lực, hình thức, trình bày chưa đảm bảo theo quy định.

+ Công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL: Từ năm 2011 - 2015, tỉnh đã tiến hành kiểm tra công tác xây dựng và ban hành văn bản QPPL của 11/11 HĐND, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh. Kết quả, kiểm tra được 64.166 văn bản hành chính; trong đó có hơn 300 văn bản QPPL (242 Nghị quyết HĐND cấp huyện, 58 Quyết định của UBND cấp huyện); đã phát hiện, tiến hành xử lý 01 văn bản QPPL của cấp huyện có nội dung vượt quá thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Chỉ đạo kiểm tra đối với 200 văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp huyện báo cáo khi ban hành; trong đó có 160 nghị quyết của HĐND và 40 quyết định của UBND. Thông qua kiểm tra, đã phát hiện 16 văn bản QPPL của cấp huyện chưa đảm bảo theo quy định và cấp có thẩm quyền đã tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Một số tồn tại, hạn chế:

Các cơ quan của tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố chưa xây dựng được "cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật" thống nhất làm cơ sở phục vụ cho công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh. Một số văn bản QPPL ban hành chưa theo đúng quy trình và chậm so với kế hoạch, chất lượng văn bản hạn chế, mâu thuẫn, chông chéo về nội dung quản lý có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của nhiều ngành, đồng thời còn làm cho công tác quản lý văn bản của cơ quan tư pháp gặp nhiều khó khăn. Các sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã chưa xác định công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật là công tác thường xuyên, nên chỉ làm theo từng đợt, vì vậy không kịp thời loại bỏ những văn bản đã lạc hậu, hết hiệu lực, không đảm bảo tính thống nhất pháp chế.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Kết quả đạt được:

- Thực hiện cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước: Tỉnh đã tăng cường chỉ đạo thực hiện công tác đơn giản hóa thủ tục hành chính có liên quan trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp để hạn chế sự phiền hà, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong giải quyết công việc. Các ngành, các cấp đã tích cực triển khai thực hiện, yêu cầu các cơ quan chuyên môn trực thuộc tăng cường trách nhiệm phối hợp trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức

về quy định hành chính; công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý trên địa bàn tỉnh; rút ngắn tối đa thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Chính phủ; các sở, ngành, địa phương của tỉnh đã tập trung thực hiện công tác rà soát, tiến hành bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế thủ tục hành chính để thực hiện công bố lại các bộ thủ tục hành chính cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh; tổ chức công khai đầy đủ các thủ tục hành chính và địa chỉ tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức cá nhân trên Cổng thông tin điện tử, tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

- Kiểm soát thủ tục hành chính: Trong thời gian qua, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo các cơ quan hành chính các cấp thực hiện các nội dung nhằm tăng cường phối hợp trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; phối hợp trong việc công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý trên địa bàn tỉnh; ban hành Kế hoạch truyền thông hỗ trợ công tác kiểm soát TTHC, Kế hoạch triển khai hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính hàng năm và các văn bản hướng dẫn việc thực hiện các nội dung về công tác rà soát, niêm yết công khai thủ tục hành chính và thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc nhắc nhở việc tăng cường hoạt động kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh.

Đến nay, hầu hết các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã thiết lập, kiện toàn Tổ đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính với số lượng 239 cán bộ thuộc 03 cấp (tỉnh, huyện, xã); thực hiện công bố lại 20/20 Bộ thủ tục hành chính các sở, ngành; ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ 1.160 TTHC cấp tỉnh, 199 TTHC cấp huyện, 128 TTHC cấp xã. Sau khi rà soát, đã thực hiện việc cập nhật Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính, công khai đầy đủ các thủ tục hành chính theo đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử, tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường việc thực hiện công khai địa chỉ tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức cá nhân trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử các sở, ngành và tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 03/02/2012 Quy định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh và thường xuyên chỉ đạo việc đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan hành chính của tỉnh củng cố, kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính các cấp và xây dựng các đề án thực hiện cơ chế một cửa liên thông theo nhiệm vụ được phân công chủ trì.

Kết quả đến nay, có 20/21 (95%) cơ quan hành chính cấp tỉnh; 11/11(100%) UBND cấp huyện; 145/159 (91%) UBND cấp xã đã triển khai và tiếp tục duy trì thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định. Bộ phận một cửa đã công khai, niêm yết danh mục thủ tục hành chính, hòm thư góp ý, số điện thoại đường dây nóng. Tại UBND thành phố Quy

Nhơn, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Công Thương đã triển khai giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình “Một cửa điện tử” với việc ứng dụng công nghệ thông tin đã giúp tổ chức, công dân thuận tiện trong việc nộp hồ sơ, thủ tục và theo dõi quá trình giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thông qua Cổng/Trang thông tin điện tử.

Từ năm 2014, tỉnh đã thực hiện đánh giá sự hài lòng của tổ chức, công dân đối với một số dịch vụ công (đất đai, xây dựng, y tế, giáo dục) còn có dư luận bức xúc để tìm ra những giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế trong việc cung cấp dịch vụ công, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức từng bước nâng cao hiệu quả thực chất của cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh.

b) Một số tồn tại, hạn chế:

- Trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính, nhiều sở, ngành còn chậm thực hiện công tác rà soát, sửa đổi bổ sung Bộ thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã nên làm ảnh hưởng đến việc niêm yết công khai thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại cấp huyện, cấp xã theo quy định. Tại nhiều cơ quan, đơn vị chưa công khai thủ tục hành chính đầy đủ thông tin, không cập nhật kịp thời theo các quy định hiện hành.

- Triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông vẫn còn thiếu đồng bộ, thủ tục giải quyết một số loại hồ sơ hành chính chưa tạo thành quy trình giải quyết liên thông, thống nhất từ cấp tỉnh, cấp huyện đến cấp xã. Sự phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong giải quyết công việc, nhất là giải quyết các thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân còn chưa tốt. Tại nhiều cơ quan, địa phương, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chưa được quan tâm đầu tư đầy đủ.

- Ý thức trách nhiệm thi hành công vụ, thái độ phục vụ nhân dân của đa số cán bộ, công chức tuy đã có chuyển biến nhưng còn chậm. Một bộ phận cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả còn thiếu trách nhiệm, chưa thạo việc, hạn chế về năng lực. Việc giải thích, tiếp nhận hồ sơ của người dân không được thoả đáng, đầy đủ dẫn đến người dân phải đi lại nhiều lần. Nhiều nơi kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực cho tổ chức, công dân chưa đạt so với yêu cầu, nhiều hồ sơ giải quyết chưa đúng hạn; một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn có hiện tượng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, nhất là trong giải quyết thủ tục hành chính trên lĩnh vực đất đai, xây dựng, chính sách xã hội,...

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

a) Kết quả đã đạt được:

- Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của UBND và cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện: UBND tỉnh đã chỉ đạo tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các sở, ngành, quy chế tổ chức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp theo hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương nhằm bảo đảm tính hệ thống và hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, đã phân định được hoạt động của cơ

quan hành chính nhà nước với hoạt động của đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thông qua các thể chế phân cấp về tổ chức, nhân sự, tài chính công. Bên cạnh đó, chỉ đạo việc cho tiến hành giải thể các cơ quan, đơn vị hoạt động chưa hiệu quả, chưa phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Tiếp tục chỉ đạo việc hoàn thiện Quy chế làm việc của UBND các cấp theo hướng đề cao trách nhiệm người đứng đầu và từng thành viên trong toàn bộ hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp. Đồng thời, từng bước hoàn thiện quy trình xử lý các công việc thuộc thẩm quyền của UBND, xác định rõ trách nhiệm của cơ quan trình, cơ quan thẩm định trước khi ban hành các quyết định của Chủ tịch UBND và UBND các cấp; coi trọng việc đối thoại với nhân dân và trả lời các chất vấn trong các kỳ họp HĐND các cấp.

- Về phân cấp quản lý: Trên cơ sở tiếp tục triển khai phân cấp theo Nghị quyết số 08/2004/NQ-CP ngày 30/6/2004 của Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai thực hiện nhiều giải pháp tích cực, cụ thể để đổi mới, tăng cường phân cấp quản lý nhà nước giữa tỉnh và các cấp chính quyền địa phương, giữa cơ quan cấp trên với cơ quan cấp dưới. Việc tăng cường thực hiện phân cấp đã gắn với công tác cải cách thủ tục hành chính nhằm giảm phiền hà, giải quyết nhanh gọn thủ tục cho công dân và doanh nghiệp trên nhiều lĩnh vực, nhất là về đất đai, xây dựng; thực hiện phân cấp về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; phân cấp về thực hiện chính sách xã hội... nên đã góp phần tạo ra chuyển biến tích cực trong hoạt động của chính quyền địa phương cũng như của các sở, ngành của tỉnh.

- Cải cách và triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công: Tiếp tục chỉ đạo triển khai trên diện rộng cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ; tổ chức thực hiện các đề án chuyển đổi các trường mầm non, các trường trung học phổ thông bán công sang hoạt động theo loại hình công lập, công lập tự chủ một phần kinh phí; đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công

Hầu hết các cơ quan, đơn vị đã chủ động xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ; quản lý và sử dụng tài sản công của cơ quan, đơn vị phù hợp và đúng theo quy định; thực hiện công khai, minh bạch về tài chính; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí về điện, nước, điện thoại, công tác phí, văn phòng phẩm, khánh tiết, hội họp... Các tổ chức, đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công được trao cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kế hoạch, tài chính, nhân lực, tổ chức, cán bộ; các chủ trương, biện pháp cụ thể để khuyến khích phát triển và đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động sự nghiệp, dịch vụ công ở các lĩnh vực giáo dục đào tạo, y tế, khoa học công nghệ, văn hoá, thể dục thể thao...; quản lý các dịch vụ công cộng trên địa bàn tỉnh. UV

b) Một số tồn tại, hạn chế:

- Việc sắp xếp, kiện toàn về tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn theo hướng đa ngành đa lĩnh vực, hợp nhất về đầu mối, nhưng các thành phần về cơ cấu bộ máy, số lượng biên chế vẫn không thay đổi, chưa được xem xét, đánh giá cho phù hợp giữa chức năng, nhiệm vụ với cơ cấu số lượng đội ngũ cán bộ nhiều đơn vị đã có xu hướng tăng số lượng tổ chức bên trong và tăng thêm biên chế.

- Chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa các ngành về quản lý nhà nước trên các lĩnh vực: về hạ tầng kỹ thuật, an toàn thực phẩm, y tế, việc khai thác, sử dụng nước với việc quản lý nước (giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn),... còn có sự chòng chéo, gây khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực tế; chức năng quản lý nhà nước với các hoạt động sự nghiệp còn chòng chéo ở một số lĩnh vực, như: một số chi cục quản lý nhà nước chuyên ngành vừa thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra vừa thực hiện các chương trình, nhiệm vụ hoạt động mang tính sự nghiệp.

- Một số nội dung phân cấp đã được pháp luật quy định nhưng chậm được triển khai thực hiện hoặc thực hiện không triệt để. Một số quy định phân cấp hiện hành chưa đáp ứng với thực tiễn công tác quản lý của mỗi khu vực, địa phương về điều kiện, đặc điểm, sự khác biệt trong quản lý chính quyền khu vực đô thị với khu vực nông thôn. Thực tế cho thấy, một số nhiệm vụ được phân cấp cho cấp dưới, nhưng chưa bảo đảm các điều kiện tương ứng cần thiết để thực hiện; còn thiếu sự thống nhất, đồng bộ giữa các ngành, các lĩnh vực có liên quan; chưa tạo điều kiện cho địa phương trong chủ động cân đối các nguồn lực và các nhu cầu cụ thể, như: tổ chức thực hiện nhiệm vụ phân cấp ở cấp huyện, cấp xã (do bị giới hạn về định mức biên chế và trình độ chuyên môn); hạn chế về nguồn kinh phí, cơ sở vật chất thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Kết quả đã đạt được:

- Kết quả triển khai và thực hiện cải cách chế độ công vụ, công chức theo Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 29/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Để triển khai thực hiện Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 29/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đẩy mạnh chế độ công vụ, công chức; Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/4/2013 về việc thành lập Ban Chỉ đạo tỉnh Bình Định về đẩy mạnh chế độ công vụ, công chức và giao cho Ban Chỉ đạo có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện đẩy mạnh cải cách chế độ công chức, công vụ trên địa bàn tỉnh từ nay đến năm 2015.

Thường xuyên thực hiện chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, thông qua việc tỉnh đã chỉ đạo sâu sát, kiên quyết trong công tác rà soát, đơn giản hóa và công khai các thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa với chất lượng tốt đã chấn chỉnh được kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của các cơ quan hành chính, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, khẳng định có sự chuyển biến bước đầu trong mối quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước là các sở, ngành, chính quyền địa phương cấp với người dân, doanh nghiệp.

- Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức: Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh đã được UBND tỉnh tập trung chỉ đạo và hoàn thành đảm bảo chất lượng, sẽ trình Bộ Nội vụ thẩm định trong tháng 07/2015.

- Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức:

+ Tập trung chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển nguồn nhân lực lãnh đạo của từng ngành từng cấp gắn với thực hiện chế độ luân chuyển cán bộ, công chức trong diện quy hoạch. Cán bộ được luân chuyển có bước trưởng thành về nhiều mặt, đúc rút được kinh nghiệm thực tiễn và kỹ năng lãnh đạo, quản lý, tạo điều kiện đổi mới công tác cán bộ đặc biệt là cán bộ nguồn cho quy hoạch. Đồng thời, công tác bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ được thực hiện đúng quy trình, kịp thời kiện toàn và bổ sung cán bộ lãnh đạo ở các cơ quan, đơn vị, đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện tốt nhiệm vụ tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

+ Công tác tuyển dụng, nâng ngạch công chức, viên chức của tỉnh được thực hiện theo hướng cạnh tranh, công bằng, công khai, đảm bảo tiêu chuẩn quy định, từng bước quy chuẩn hoá theo cơ cấu vị trí việc làm.

+ Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện việc giải quyết chế độ, chính sách, cử cán bộ, công chức, viên chức đi học tập, công tác đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, đúng điều kiện tiêu chuẩn, quy trình thủ tục và quy định của Nhà nước.

+ Công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm được thực hiện theo nguyên tắc, nội dung, thẩm quyền và quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức của các quy định của Đảng và Nhà nước.

- Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Thực hiện đổi mới về nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo hướng phù hợp với các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng. Việc đào tạo, bồi dưỡng được căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn của ngạch công chức, theo vị trí chức danh của công chức cấp xã, chức vụ lãnh đạo quản lý và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị và chú trọng trang bị kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ, công vụ. Kết quả đến nay đã cử gần 5.000 lượt cán bộ lãnh đạo, quản lý đương chức và quy hoạch các chức danh cán bộ các cấp đi bồi dưỡng trình độ cao cấp và trung cấp lý luận chính trị; đã cử 408 cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo sau đại học ở trong và ngoài nước. Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng kỹ năng hành chính cho hơn 6.000 lượt cán bộ, công chức, viên chức của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố; bồi dưỡng cho hơn 5.500 lượt cán bộ, công chức cấp xã. Đồng thời đã tổ chức đào tạo tiếng dân tộc Chăm, Hre và Bana cho cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang công tác tại các huyện miền núi Vân Canh, An Lão và Vĩnh Thạnh. Hiện nay, tỉnh đã đạt tỷ lệ 89% công chức cấp xã (trình độ trung cấp trở lên) ở vùng đồng bằng đô thị và đạt tỷ lệ 80 % công chức cấp xã (trình độ sơ cấp trở lên) ở vùng miền núi, dân tộc đạt tiêu chuẩn theo chức danh quy định. -uw

- Về công chức cấp xã: Tăng cường chỉ đạo xây dựng và ban hành đồng bộ các quy định của UBND tỉnh về chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường thị trấn và thôn làng, khối phố, khu phố trên địa bàn tỉnh, quy định về khoán kinh phí hoạt động đối với mặt trận và các tổ chức đoàn thể ở xã và thôn phù hợp với quy định của Chính phủ và tình hình cụ thể ở địa phương; ban hành quy định về việc xếp ngạch, bậc lương đối với cán bộ cấp xã có trình độ lý luận chính trị theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương; ban hành các đề án, kế hoạch triển khai thực hiện các quy định của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với lực lượng công an, dân quân tự vệ và chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; điều chỉnh mức khoán kinh phí hoạt động của Mặt trận, đoàn thể và sửa đổi, bổ sung một số chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, thôn.

Thực hiện tuyển chọn 20 Đội viên đưa về làm Phó Chủ tịch xã tại 03 huyện An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh và 15 đội viên tăng cường về làm công chức cấp xã tại một số huyện theo phạm vi Dự án, Đề án của Chính phủ để tăng cường trí thức trẻ về công tác tại những địa phương gặp nhiều khó khăn và thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

b) Một số tồn tại, hạn chế:

- Việc xây dựng được cơ cấu công chức, viên chức hợp lý cho từng cơ quan, đơn vị còn nhiều hạn chế nên việc tuyển dụng công chức, viên chức và phân bổ biên chế, khoán chi phí quản lý hành chính vẫn theo yêu cầu thực tế là chính, chưa có cơ sở khoa học. Việc tuyển chọn người có tài, có tâm huyết vào công tác trong các cơ quan nhà nước chưa được nhiều và còn khó khăn trong thực hiện chính sách thu hút.

- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hàng năm chưa đáp ứng được yêu cầu chung và nhu cầu cụ thể của các cơ quan, đơn vị, từng cán bộ, công chức, viên chức. Chương trình, nội dung, phương thức đào tạo, bồi dưỡng chậm được đổi mới. Đội ngũ giảng viên trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh còn thiếu, chất lượng không đồng đều, một số giảng viên vẫn theo phương pháp cũ, ít cập nhật kiến thức mới và kiến thức thực tiễn. Chưa tổ chức thực hiện được việc khảo sát, đánh giá cụ thể nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong toàn tỉnh; chưa đánh giá được chất lượng sau đào tạo, bồi dưỡng và việc sử dụng kiến thức được đào tạo, bồi dưỡng trong thực hiện nhiệm vụ.

- Chất lượng một bộ phận đội ngũ cán bộ, công chức chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ. Kỷ cương, kỷ luật hành chính trong thực thi công vụ có lúc còn chưa nghiêm; còn biểu hiện gây phiền hà, sách nhiễu, tiêu cực. Việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức bước đầu được thực hiện, nhưng kết quả chưa rõ; còn nhiều chức danh, vị trí công tác có điều kiện nảy sinh tiêu cực chưa được chuyển đổi.

5. Cải cách tài chính công

a) Kết quả đã đạt được: Triển khai trên diện rộng cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại

các đơn vị sự nghiệp công theo quy định của Chính phủ gắn với hoàn thiện các chế độ, định mức phân bổ, định mức chi tiêu gắn với tăng cường công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách ở các cấp chính quyền. Đến nay, cơ quan đã thực hiện cơ chế khoán kinh phí hành chính cấp tỉnh là 56 cơ quan thuộc diện áp dụng (đạt tỷ lệ 100%), cấp huyện là 178 (tỷ lệ 100%), chưa triển khai thực hiện đối với cấp xã; đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ ở cấp tỉnh là 167/174 (tỷ lệ 96%), cấp huyện 490/587 (tỷ lệ 88%).

b) Một số tồn tại, hạn chế: Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập còn bất cập, chưa chủ động huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực nhà nước và xã hội để phát triển dịch vụ; chưa có sự chuyển biến rõ nét về sự tách bạch giữa chức năng quản lý nhà nước với chức năng cung cấp dịch vụ công; một số tổ chức khoa học, công nghệ còn khó khăn, lúng túng trong việc thực hiện cơ chế tự chủ trong việc triển khai cơ chế theo quy định tại Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ. Công tác xã hội hóa trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao thực hiện còn chậm, chưa mang lại hiệu quả rõ ràng.

6. Về hiện đại hóa hành chính

a) Kết quả chủ yếu đạt được:

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước: Trong 05 năm qua, các sở, ngành và địa phương của tỉnh đã tích cực triển khai mạnh mẽ việc ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, điều hành; áp dụng các công cụ, phương pháp quản lý tiên tiến, hiện đại trong các cơ quan hành chính nhà nước tạo ra bước đổi mới trong phương thức chỉ đạo - điều hành, tăng cường hình thức họp, giao ban, trao đổi trực tuyến giữa ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn của tỉnh với các địa phương, giữa các cơ quan hành chính cùng cấp và giữa cơ quan hành chính nhà nước với các tổ chức, doanh nghiệp và công dân, kịp thời giải đáp và tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn của người dân và doanh nghiệp, góp phần cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Đến nay, cơ sở hạ tầng thông tin của hầu hết cơ quan từ cấp huyện trở lên đã được trang bị hoàn chỉnh đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý hành chính, 100% cơ quan đã xây dựng hệ thống mạng nội bộ (LAN) và kết nối mạng internet tốc độ cao, trên 80% cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp tỉnh được trang bị máy tính cá nhân; hầu hết các sở, ngành, UBND cấp huyện đã phân công, bố trí cán bộ chuyên trách về ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan, đơn vị. Tiến hành thiết lập hệ thống giao ban trực tuyến tại Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và giữa Văn phòng UBND tỉnh với 11/11 UBND các huyện, thị xã, thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ. Thực hiện việc xây dựng, nâng cấp, duy trì hoạt động Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của 20/20 (100%) sở, ngành thuộc tỉnh và 11/11 (100%) UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Về áp dụng hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2008 trong các cơ quan hành chính: Tiếp tục chỉ đạo việc triển khai thực hiện Quyết định số

118/2009/QĐ-TTg ngày 20/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ, thông qua việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh và được bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh để các cơ quan, đơn vị thực hiện; chỉ đạo cơ quan chuyên môn chủ trì, phối hợp để tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn để triển khai thực hiện tại các cơ quan thuộc diện phải áp dụng theo tiến độ kế hoạch đề ra. Tính đến cuối năm 2014, đã có 56/70 đạt tỷ lệ 80% (so với kế hoạch đề ra) số cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện thuộc diện phải thực hiện đã công bố áp dụng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008. Qua đó, đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và từng bước chuẩn hóa quy trình quản lý trong nội bộ các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Tình hình triển khai xây dựng trụ sở cơ quan hành chính ở địa phương: Việc đầu tư, trang bị về cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh đã được quan tâm đúng mức, kết quả trong 05 năm, từ nguồn kinh phí hỗ trợ có mục tiêu của trung ương, ngân sách tỉnh và các địa phương đã bố trí hơn 253 tỷ đồng để đầu tư, xây dựng, cải tạo được 181 công trình trụ sở đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn, định mức về trang thiết bị, diện tích phòng làm việc, thiết kế mẫu các công sở hành chính; tập trung đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin các cơ quan, đơn vị từ cấp huyện trở lên, đầu tư xây dựng Trung tâm hành chính thành phố Quy Nhơn theo hướng hiện đại, đáp ứng nhu cầu giải quyết công việc tốt hơn cho tổ chức, công dân tại địa phương.

b) Một số tồn tại, hạn chế:

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin chưa được đồng bộ giữa cấp, ngành, gây khó khăn cho việc kết nối, tích hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ thông tin; hạn chế đến tính liên thông trong xử lý các công việc hành chính trên cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin. Cán bộ, công chức, nhất là cấp xã chưa được trang bị máy tính còn chiếm tỷ lệ cao; trên 40% cán bộ, công chức chưa khai thác, sử dụng các hộp thư điện tử trong công việc. Ở những cơ quan đã áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành, vẫn sử dụng song song 2 hình thức điều hành là vừa qua mạng vừa bằng văn bản giấy; không tạo được sức ép và đòi hỏi phải sử dụng, nâng cao trình độ tin học của cán bộ, công chức.

- Việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 tại một số cơ quan, địa phương chưa thực sự có chất lượng, mới thực hiện ở mặt số lượng; chưa được đánh giá lại để nâng cao chất lượng trên cơ sở kết quả của Đề án 30. Trong nội bộ từng cơ quan, đơn vị đã áp dụng ISO, quá trình giải quyết công việc cũng chưa tuân thủ chặt chẽ, đúng theo các quy trình đã được ISO hóa.

- Do khó khăn về bố trí kinh phí nên việc hiện đại hoá công sở chưa đồng bộ, dẫn tới manh mún, phân tán. Trụ sở làm việc, nhất là diện tích dành cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại nhiều cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và UBND cấp huyện, UBND cấp xã còn nhiều hạn chế, khó khăn, chưa đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định. Việc triển khai quy hoạch, quy trình đầu tư Trung tâm hành chính cấp tỉnh, cấp huyện

và bố trí lại trụ sở làm việc một số cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện chậm, hiệu quả chưa cao so với yêu cầu, mục tiêu đề ra.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên. Nền hành chính của tỉnh đã có bước chuyển biến quan trọng theo hướng nền hành chính phục vụ, tạo được lòng tin của nhân dân và doanh nghiệp. Tập trung cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa gắn với ứng dụng công nghệ thông tin có hiệu quả đã tạo thuận lợi, giảm chi phí, tiết kiệm thời gian cho người dân và doanh nghiệp góp phần duy trì chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) và chỉ số quản trị hành chính công (PAPI) và làm cho mối quan hệ giữa cơ quan nhà nước với nhân dân có tiến bộ, phát huy tốt vai trò làm chủ của nhân dân.

Hệ thống văn bản pháp quy về cơ chế, chính sách nhằm tăng cường sự phối hợp giữa các cấp chính quyền, các sở, ngành ngày càng phát huy hiệu quả tích cực trong việc thực hiện thu hút đầu tư, đảm bảo môi trường kinh doanh được thông suốt, công khai và minh bạch. Cơ cấu, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện theo mô hình quản lý đa ngành, đa lĩnh vực ngày càng phát huy hiệu quả; từng bước có sự tách biệt rõ nét giữa chức năng quản lý nhà nước với chức năng sản xuất kinh doanh, hoạt động sự nghiệp và dịch vụ công. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh có bước chuyển biến tích cực về trình độ chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ và tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ. Thực hiện cải cách tài chính công và quản lý ngân sách đã phát huy hiệu quả trong việc phân bổ, bố trí nguồn lực hợp lý đối với các cấp chính quyền. Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý của các cơ quan, tổ chức của tỉnh đã góp phần tạo sự minh bạch, “thông suốt” của các cơ quan hành chính nhà nước tạo thuận lợi để triển khai thực hiện chính phủ điện tử trong thời gian tới.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế:

- Cải cách hành chính vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực, tại một số sở, ngành, địa phương còn hạn chế. Năng lực chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính của một số cấp ủy đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị chưa cao.

- Chưa hoàn thành một số chỉ tiêu đề ra như: Chưa thực hiện được việc thí điểm một cửa điện tử cấp xã, trên các lĩnh vực giải quyết thủ tục hành chính thuộc cấp tỉnh, cấp huyện còn hạn chế, phạm vi áp dụng chưa được mở rộng; ứng dụng công nghệ thông tin trong giao dịch trên mạng điện tử và thực hiện dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3 trở lên còn thấp. Thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực vẫn còn rườm rà. Hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại nhiều cơ quan, đơn vị còn mang tính hình thức, một số cán bộ, công chức trong giải quyết công việc còn thiếu tinh thần trách nhiệm, còn có thái độ thiếu tôn trọng nên còn gây bức xúc cho người dân, doanh nghiệp.

- Chất lượng ban hành, năng lực thực thi các quy định, cơ chế, chính sách còn chưa cao, chưa sát tình hình thực tiễn; một số văn bản quy phạm pháp luật còn mâu thuẫn, bất cập, chưa đúng với quy định cấp trên, không phù hợp với thực tiễn. Cơ cấu tổ chức, bộ máy bên trong một số sở, ngành, địa phương có sắp xếp, kiện toàn nhưng vẫn chưa thực sự tinh gọn, vẫn còn xu hướng tăng thêm tổ chức và biên chế; một số lĩnh vực quản lý nhà nước vẫn còn chồng chéo, công tác kiểm tra sau phân cấp trên một số lĩnh vực (khoáng sản, đất đai,...) chưa được thực hiện có hiệu quả.

- Năng lực, trình độ chuyên môn, phẩm chất, ý thức kỷ luật và kỹ năng làm việc của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng được yêu cầu. Còn có những bất cập, hạn chế trong quy hoạch, thu hút, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức.

- Việc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với cơ quan hành chính cấp xã, tổ chức khoa học, công nghệ còn khó khăn, lúng túng. Thực hiện xã hội hóa trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao thực hiện còn chậm, hiệu quả chưa cao. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và hiện đại hoá công sở, bố trí lại trụ sở làm việc tại một số cơ quan, đơn vị chưa đồng bộ, còn phân tán.

b) Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế:

- Nguyên nhân khách quan: Cải cách hành chính là công việc khó khăn, phức tạp, nhiều lực cản. Các văn bản quy phạm pháp luật và nhiều thủ tục hành chính do Chính phủ, các Bộ, ngành ban hành không đồng bộ, thường xuyên thay đổi; các văn bản chỉ đạo thiếu nhất quán, chồng chéo; nhiều quy định còn gây khó khăn cho công tác quản lý, điều hành của địa phương. Tác động của tình hình suy thoái kinh tế của thế giới, bất ổn trên biển Đông, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh,... đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác chỉ đạo, điều hành, đầu tư nguồn lực cho công tác cải cách hành chính của tỉnh.

- Nguyên nhân khách quan: Một số cấp uỷ Đảng, chính quyền chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác cải cách hành chính. Chưa bố trí đủ nguồn lực (kinh phí, nhân lực) đảm bảo thực hiện công tác cải cách hành chính. Nhận thức của một bộ phận đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về vai trò, ý nghĩa của công tác cải cách hành chính còn thấp; vẫn còn tư tưởng e dè, bảo thủ, ngại đổi mới; hoặc một số còn biểu hiện tiêu cực, nên không muốn đổi mới, cải cách. Tính chủ động tập trung trong công tác tham mưu của một số sở, ngành về chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính còn nhiều hạn chế; công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn triển khai công tác cải cách hành chính chưa kịp thời và tiến hành thường xuyên. Công tác truyền thông về cải cách hành chính chưa tạo ra được sự thống nhất cao về nhận thức trong toàn bộ hệ thống chính trị và sự đồng thuận trong nhân dân.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách hành chính

- Về sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng; sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị: Đây là yếu tố quyết định, có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc triển khai làm chuyển biến mạnh mẽ và có hiệu quả trong cải

cách hành chính của tỉnh. UBND tỉnh cần tập trung chỉ đạo thường xuyên, kiên quyết và điều hành tổ chức triển khai thực hiện một cách chủ động, tích cực. Trong đó cần lựa chọn một số lĩnh vực làm khâu đột phá, làm thí điểm, thường xuyên chỉ đạo việc rút kinh nghiệm và mở rộng để công tác cải cách hành chính đạt kết quả cao. Đây là yếu tố quan trọng bảo đảm sự thành công của công tác cải cách hành chính.

Đồng thời, nâng cao hơn nữa năng lực tham mưu về cải cách hành chính gắn với đầu tư kinh phí và cơ sở vật chất thích đáng cho công tác cải cách hành chính để áp dụng đồng bộ công nghệ thông tin (internet, nối mạng LAN, trang bị đầy đủ máy tính cho cán bộ, công chức...), vào hoạt động của bộ phận "một cửa"; nâng cấp, xây dựng mới trụ sở cơ quan hành chính nhà nước theo hướng hiện đại hóa.

- *Về nâng cao nhận thức và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức:* Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, kiến thức cải cách hành chính và tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức. Phải tạo được sự chuyển biến căn bản trong nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức; trước hết là người đứng đầu các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; đào tạo chuyên sâu cho cán bộ, công chức làm công tác cải cách hành chính đặc biệt tại bộ phận "một cửa"; có chế độ, chính sách phù hợp cho đội ngũ này.

- *Về sự tham gia của người dân đối với công tác cải cách hành chính:* Tạo điều kiện thuận lợi, phù hợp để nhân dân, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp tích cực phối hợp, tham gia giám sát, kiểm tra công tác cải cách hành chính. Xây dựng cơ chế về mối quan hệ giữa nhà nước và nhân dân, chú ý lấy ý kiến nhân dân, đối thoại trực tiếp với nhân dân và doanh nghiệp. Tổ chức triển khai lấy ý kiến từ nhân dân và doanh nghiệp về sự phục vụ, cung ứng dịch vụ công của cơ quan hành chính nhà nước là cần thiết để tham khảo và khắc phục những hạn chế. Cải cách hành chính phải triển khai đồng bộ, đồng đều và gắn với thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

I. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU

1 Phương hướng

Bám sát và thể chế hóa đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 đã được Chính phủ xác định tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP để tập trung chỉ đạo đẩy mạnh cải cách hành chính trong thời gian tới, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu đề ra đến năm 2020 là một trong các khâu đột phá nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX. *uv*

2. Một số mục tiêu chủ yếu

- Đến năm 2020, xây dựng được một nền hành chính trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phục vụ người dân, doanh nghiệp và xã hội. Trọng tâm cải cách hành chính trong cả giai đoạn là: xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ sự nghiệp công.

- Chức năng của các cơ quan trong hệ thống hành chính được xác định phù hợp, tránh chồng chéo, trùng lặp, kiên quyết chuyển những việc không nhất thiết phải do cơ quan nhà nước thực hiện hoặc thực hiện không hiệu quả cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ đảm nhận.

- Phương thức làm việc của cơ quan hành chính nhà nước tiếp tục được đổi mới; sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính đạt mức trên 80% vào năm 2020.

- Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội tinh nhà và phục vụ nhân dân.

- Phân đầu đạt tỷ lệ từ 90% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hành chính được thực hiện dưới dạng điện tử; cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc; hầu hết các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện việc áp dụng dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3 và phần lớn cơ quan, đơn vị cung cấp dịch vụ công ở mức độ 4.

II. NỘI DUNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo về cải cách hành chính

- Công tác triển khai, thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tỉnh được bảo đảm thực hiện dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sâu sát của Tỉnh ủy, gắn với việc đổi mới hệ thống chính trị theo Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh đề ra;

- Đẩy mạnh thực hiện công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ của các cấp ủy đảng, HĐND các cấp về thực hiện cải cách hành chính nhà nước của các cấp, các ngành. Hàng năm, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch tổ chức việc kiểm tra, giám sát theo chuyên đề và tổ chức việc giám sát thường xuyên việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước của các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh. Đưa nội dung tổ chức việc chất vấn Thủ trưởng các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước tại các phiên họp của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Hàng năm, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch và triển khai kiểm tra cải cách hành chính đối với các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở kết quả kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị để tổng hợp, đánh giá chỉ rõ những kết quả đạt được, đặc

biệt phân tích về hạn chế, yếu kém, những việc chưa làm được; nguyên nhân và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện để khắc phục những hạn chế, yếu kém và tập trung chỉ đạo, nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy Đảng trực thuộc trong việc chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng quy chế phối hợp, bảo đảm nâng cao trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng (trước hết là đồng chí bí thư cấp ủy) và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức triển khai, thực hiện công tác cải cách hành chính;

- Xác định và đề cao trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp nhà nước trong triển khai, thực hiện công tác cải cách hành chính nhà nước, thông qua việc tăng cường, đẩy mạnh công tác lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước; coi đây là tiêu chí đánh giá quan trọng về kết quả, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, là cơ sở để xem xét thi đua, khen thưởng và đánh giá công tác cán bộ.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cải cách hành chính; tiếp tục mở rộng dân chủ, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể, nhân dân tham gia giám sát và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính

- Hàng năm, các cấp, các ngành tổ chức hội nghị tuyên truyền, quán triệt, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, quy định của Nhà nước về thực hiện cải cách hành chính nhà nước cho 100% cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị. Việc tuyên truyền, quán triệt bảo đảm nâng cao nhận thức hiểu biết, gắn với việc thực hiện trên thực tế công việc, “nói phải đi đôi với làm”;

- Các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, quy định của Nhà nước về cải cách hành chính; chủ động, tích cực phát hiện, phản ánh, tôn vinh thông qua các phóng sự, bài viết về những tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến, có sáng kiến thực hiện tốt, hiệu quả; đồng thời phản ánh, phê bình trung thực về những tập thể, cá nhân thực hiện chậm trễ, hiệu quả yếu kém, những hành vi tiêu cực, những nhiễu, gây phiền hà trong giải quyết công việc, làm ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện cải cách hành chính nhà nước của tỉnh. Bảo đảm gắn việc tuyên truyền thực hiện cải cách hành chính nhà nước với việc thực hiện sâu rộng cuộc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Công bố, công khai, minh bạch bằng nhiều hình thức về thẩm quyền và trách nhiệm của từng cơ quan hành chính nhà nước; quy trình giải quyết công việc, thủ tục hành chính, phí, lệ phí và thời hạn giải quyết công việc để người dân và doanh nghiệp dễ hiểu và dễ thực hiện.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các quy định về mở rộng dân chủ, phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức đoàn thể, tổ chức, doanh nghiệp và công dân tham gia vào thực hiện cải cách hành chính nhà nước. Thiết lập “đường dây nóng” và thành lập bộ phận thường trực để tiếp nhận và xử lý các thông tin của tổ chức, doanh nghiệp và công dân về các hành vi tiêu cực, vi phạm của cán bộ, công chức, viên

chức trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước và cung cấp các dịch vụ hành chính công, dịch vụ sự nghiệp công.

3. Nâng cao chất lượng thực hiện công tác cải cách hành chính gắn với cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của các ngành, các cấp

- Căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính của Chính phủ, Chương trình hành động của Tỉnh ủy, Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh, Kế hoạch, chương trình, đề án của UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố phải cụ thể hóa bằng việc xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch thực hiện cụ thể hàng năm, bảo đảm lựa chọn những nội dung mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện phù hợp, triển khai, thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, đột phá; thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ nào phải lượng hóa được chỉ tiêu cụ thể, thời gian bắt đầu thực hiện và kết thúc, có sơ kết, tổng kết để đánh giá kịp thời; không thực hiện dàn trải, mang tính hình thức.

- Tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng và ban hành thể chế gắn với thường xuyên chỉ đạo tốt công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật nhằm đạt được mục tiêu: hệ thống văn bản của tỉnh được đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch làm cơ sở cho công tác quản lý nhà nước và tạo điều kiện cho tổ chức, công dân được tiếp cận và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Các ngành các cấp chú trọng đến công tác tham mưu, đề xuất việc xây dựng, thẩm định, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh.

- Rà soát, kiện toàn tổ chức làm nhiệm vụ tham mưu, giúp UBND tỉnh về công tác cải cách hành chính; đảm bảo số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách làm công tác tổng hợp, tham mưu, đề xuất thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước và đội ngũ công chức trực tiếp giải quyết các thủ tục hành chính ở bộ phận "một cửa" của các sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ, sơ kết, tổng kết, đánh giá, sửa đổi, bổ sung các quy định cơ chế, chính sách và việc thực hiện công tác cải cách hành chính nhà nước ở các cấp, các ngành.

- Trên cơ sở việc thực hiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính nhà nước cấp tỉnh của Bộ Nội vụ; UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo triển khai, thực hiện có hiệu quả Quy định và Bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính đối với các sở, ban, ngành, UBND các cấp và các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh.

4. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; lấy kết quả việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính làm cơ sở để đánh giá, sử dụng, đề bạt và khen thưởng cán bộ, công chức, viên chức

- Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả quy định cụ thể về trách nhiệm, phương thức và chế tài xử lý trong việc tổng hợp, theo dõi, đôn đốc thực hiện các việc chậm, tồn đọng và đánh giá hiệu quả giải quyết công việc ở các cơ quan, đơn vị. Đẩy mạnh, tăng cường việc kiểm tra của cấp trên đối với cấp dưới; của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý

trong thực thi công vụ, triển khai, thực hiện nhiệm vụ cấp trên giao; bảo đảm nâng cao và xiết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, khắc phục tình trạng đùn đẩy, né tránh việc khó, giành việc dễ, thậm chí không chấp hành đúng ý kiến chỉ đạo, điều hành của cấp trên. Việc xác định trách nhiệm, trước hết thực hiện đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị; trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tạm thời cho dừng việc chỉ đạo, điều hành để kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm.

- Đưa nội dung đánh giá kết quả việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước vào đánh giá trách nhiệm chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và đánh giá thi đua, xếp loại hàng năm của cán bộ, công chức, viên chức. Không xem xét, đề xuất việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý nếu bị cơ quan có thẩm quyền phê bình do không thực hiện nghiêm nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước đối với nhiệm vụ, công việc được giao.

5. Tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Xây dựng, ban hành các quy định cụ thể về điều kiện, tiêu chuẩn đối với các vị trí chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc sở, ngành, UBND cấp huyện và tương đương theo hướng kết hợp quy định về trình độ, kiến thức hiểu biết pháp luật với trình độ lý luận chính trị và đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn, trong đó ưu tiên về trình độ hiểu biết kiến thức pháp luật gắn với năng lực triển khai, áp dụng vào hoạt động quản lý thực tiễn; quy định về tiêu chuẩn nghiệp vụ công chức, viên chức chuyên ngành cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp nhà nước công lập trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, ban hành quy định về chế độ thi nâng ngạch theo nguyên tắc cạnh tranh; thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo, quản lý từ cấp phó giám đốc sở và tương đương trở xuống; xây dựng, ban hành quy định về cơ chế kiểm tra, sát hạch, đánh giá hàng năm về kiến thức, kỹ năng, quy tắc ứng xử trong thi hành công vụ của đội ngũ công chức, viên chức nhà nước và cán bộ, công chức cấp xã theo quy định.

- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách để thu hút nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi, cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ chuyên môn cao, có tính chuyên nghiệp vào làm việc tại các cơ quan quản lý hành chính nhà nước của tỉnh; tổ chức việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ cho công chức, viên chức; đẩy mạnh và mở rộng hợp tác quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh ban hành cơ chế khen thưởng, động viên, khuyến khích tập thể và cá nhân tích cực, chủ động nghiên cứu xây dựng và triển khai, thực hiện thí điểm các mô hình, giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý, thực hiện nhiệm vụ cung ứng dịch vụ công ích, được tổ chức, doanh nghiệp và công dân đánh giá, ghi nhận. *uy*

6. Bảo đảm kinh phí thực hiện công tác cải cách hành chính

Chỉ đạo chính quyền các cấp bố trí, bảo đảm đủ kinh phí từ ngân sách nhà nước và khuyến khích các tổ chức xã hội tham gia đầu tư thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước tính đạt hiệu quả. Nguồn ngân sách nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện cần tập trung bảo đảm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp ở các nội dung: Tuyên truyền cải cách hành chính nhà nước; kiện toàn, nâng cao năng lực hoạt động của bộ phận “một cửa”, “một cửa liên thông”; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; hỗ trợ, thực hiện chế độ phụ cấp cho đội ngũ công chức chuyên trách làm cải cách hành chính, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng các đề án về cải cách hành chính để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; quản lý các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức hoạt động sự nghiệp công lập nhà nước; đầu tư xây dựng trụ sở các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp nhà nước; hiện đại hóa nền hành chính và xây dựng, nâng cấp trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị đảm bảo tiêu chuẩn, diện tích theo đúng quy định và đảm bảo triển khai thực hiện cải cách hành chính.

Trên đây là kết quả công tác cải cách hành chính nhà nước giai đoạn I (2011 - 2015) và phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước giai đoạn II (2016 - 2020) của tỉnh Bình Định, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Nội vụ xem xét, tổng hợp. /.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ VN và các Đoàn thể tỉnh;
- Các Ban của Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, SNV, K12.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Đông Hải

PHỤ LỤC

Báo cáo sơ kết cải cách hành chính giai đoạn I (2011-2015) của tỉnh Bình Định

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015 (dự kiến)	Ghi chú
1.	Số văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của tỉnh (Quyết định, Chỉ thị, Công văn hướng dẫn...)	31	35	36	42	12 (đến tháng 3/2015)	
2.	Số lượng cơ quan, đơn vị được kiểm tra, giám sát cải cách hành chính của tỉnh	15	40	42	53	60	
3.	Số lượng các hình thức tuyên truyền CCHC tại tỉnh	4	8	9	8	9	
4.	Số mô hình, sáng kiến cải cách hành chính được triển khai áp dụng						
5.	Số văn bản QPPL do tỉnh ban hành hàng năm	108	86	88	76	61	
6.	Số VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh được rà soát, hệ thống hoá		75		453		
7.	Số văn bản đề nghị xử lý (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ)	149	116	68	262		
8.	Số thủ tục hành chính trong Bộ thủ tục hành chính của tỉnh (cấp tỉnh/cấp huyện/cấp xã)	1.160/179/ 128	1.176/179/ 128	1.190/199/ 128	1.213/199/ 128		
9.	Số lượng TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của tỉnh	1.487	1.487	1.487	1.487	1.487	
10.	Số lượng các TTHC thực hiện giải quyết theo cơ chế một cửa	235	388	561	655	760	
11.	Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông	15	15	17	17	55	
12.	Số cơ quan hành chính cấp tỉnh (cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo Nghị định số 24/2014/NĐ-CP)	18	18	19	19	19	
13.	Số đơn vị hành chính cấp huyện	11	11	11	11	11	
14.	Số đơn vị hành chính cấp xã	159	159	159	159	159	
15.	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (cấp tỉnh, cấp huyện/y tế/giáo dục)	964	973	981	988	988	



STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015 (dự kiến)	Ghi chú
16.	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập (cấp tỉnh, cấp huyện)				1	1	
17.	Tổng số biên chế của tỉnh						
	Biên chế hành chính	2.476	2.485	2.516	2.525	2.482	
	Biên chế sự nghiệp	26.806	27.431	29.271	30.120	30.120	
	Biên chế khối Đảng-Đoàn thể	1.198	1.198	1.198	1.198	1.198	
18.	Số lượng cán bộ cấp xã	1.657	1.715	1.684	1.701		
19.	Số lượng công chức cấp xã	1.247	1.480	1.520	1.491		
20.	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định	1.946	2.264	2.335	2.384		
21.	Số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	510	780	1.215	684	728	
22.	Số lượng các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch của tỉnh	16	24	18	24	22	
23.	Số cán bộ, công chức được bồi dưỡng, tập huấn hàng năm	1.268	1.864	1.150	1.495	1.090	
24.	Số cơ quan hành chính thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính						
	Cấp tỉnh	53	53	53	56	56	
	Cấp huyện	84	84	84	175	178	
	Cấp xã	0	0	0	0		
25.	Số đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm						
	Cấp tỉnh	161	161	161	167		
	Cấp huyện				490		
26.	Tỷ lệ số văn bản chính thức được trao đổi dưới dạng điện tử	20%	25%	30%	45%	60%	
27.	Tỷ lệ công chức được cấp hộp thư điện tử	40%	60%	100%	100%	100%	
28.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện triển khai ứng dụng hệ thống Văn phòng điện tử	02/31	12/31	16/31	29/31	31/31	
29.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc	28	28	29	31	31	

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015 (dự kiến)	Ghi chú
30.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện có Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử	25/31	27/31	28/31	31/31	31/31	
31.	Số cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã có bản công bố TCVN ISO 9001-2008	26	26	42	56	75	
32.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có giải quyết công việc liên quan trực tiếp tới người dân, doanh nghiệp triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	08	08	10	12	18	
33.	Số đơn vị hành chính cấp huyện triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	07	09	09	11	11	
34.	Số đơn vị hành chính cấp xã triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông (trừ các xã được Thủ tướng Chính phủ cho phép chưa thực hiện)	112	115	130	136	145	
35.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và UBND cấp huyện đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định	24/31	25/31	26/31	28/31	28/31	
36.	Số huyện thực hiện mô hình một cửa có Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hiện đại	01	01	01	01	03	

